

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: *Mua bàn ghế, dụng cụ thể thao, vật tư hàng hóa*
- Tên gói thầu: “Gói số 4: Mua linh kiện điện tử
- Tên chủ đầu tư: Trường sĩ quan Thông tin
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng năm 2026
- Thời gian thực hợp đồng: 10 ngày.
- Địa điểm đầu tư: Số 101 Mai Xuân Thuường, Bắc Nha Trang;

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	IC	<ul style="list-style-type: none">- Điện áp đầu vào: 5 VDC;- Dòng tiêu thụ: 6-15 mA;- Công suất tiêu thụ lớn nhất: 600 mW;- Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V;- Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V;- Số chân: 12
2	IC	<ul style="list-style-type: none">- Điện áp đầu vào: 12 VDC;- Dòng tiêu thụ: 10-20 mA;- Công suất tiêu thụ lớn nhất: 1000 mW;- Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 2.0 V;- Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V;- Số chân: 12.
3	IC	<ul style="list-style-type: none">- Điện áp đầu vào: 12 VDC;- Dòng tiêu thụ: 6-15 mA;- Công suất tiêu thụ lớn nhất: 600 mW;- Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V;- Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V;

		- Số chân: 12
4	IC	- Điện áp đầu vào: 12 VDC; - Dòng tiêu thụ: 10-20 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 1000 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 2.0 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V; - Số chân: 8.
5	IC	- Điện áp đầu vào: 24 VDC; - Dòng tiêu thụ: 15-30 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 1500 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 2.0 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V; - Số chân: 10.
6	IC	- Điện áp đầu vào: 24 VDC; - Dòng tiêu thụ: 15-30 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 1500 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 2.0 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V; - Số chân: 12.
7	IC	- Điện áp đầu vào: 12 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-15 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 600 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V; - Số chân: 12
8	IC	- Điện áp đầu vào: 5 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-15 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 600 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03-0.06 V;

		- Số chân: 8
9	IC	- Điện áp đầu vào: 5 VDC; - Dòng tiêu thụ: 5-10 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 650 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.03- 0.06 V; - Số chân: 12
10	IC	- Điện áp đầu vào: 6 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-10 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 350 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.05- 0.06 V; - Số chân: 8
11	IC	- Điện áp đầu vào: 4 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-45 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 500 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.05- 0.06 V; - Số chân: 8
12	IC	- Điện áp đầu vào: 24 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-45 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 500 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.05- 0.06 V; - Số chân: 14
13	IC	- Điện áp đầu vào: 12 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-20 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 400 mW; - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.05- 0.06 V; - Số chân: 12
14	IC	- Điện áp đầu vào: 6 VDC; - Dòng tiêu thụ: 6-10 mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 350 mW;

		<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp logic đầu ra mức cao: 0.5- 1.5 V; - Điện áp logic đầu ra mức thấp: 0.05-0.06 V; - Số chân: 8
15	IC	<ul style="list-style-type: none"> - Dải tần làm việc: 100KHz đến 2,0 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 6VDC - Số chân: 8
16	Bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Cực tính Transistor: N; - Điện áp đánh thủng cực cổng-cực nguồn: -25V; - Dòng cực máng liên tục: 20mA; - Điện áp cực máng: 25V; - Nhiệt độ làm việc: -55⁰c đến 150⁰c; - Tiêu tán nguồn: 350mW.
17	Bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Cực tính Transistor: N; - Điện áp đánh thủng cực cổng-cực nguồn: -25V; - Dòng cực máng liên tục: 20mA; - Điện áp cực máng: 25V; - Nhiệt độ làm việc: -55⁰c đến 150⁰c; - Tiêu tán nguồn: 350mW.
18	Bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Cực tính Transistor: N; - Điện áp đánh thủng cực cổng-cực nguồn: -25V; - Điện áp cực máng: 25V; - Tiêu tán nguồn: 350mW.
19	Bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Cực tính Transistor: P - Điện áp đánh thủng cực cổng-cực nguồn: -25V; - Dòng cực máng liên tục: 20mA; - Điện áp cực máng: 25V; - Nhiệt độ làm việc: -55⁰c đến 150⁰c; - Tiêu tán nguồn: 350mW.
20	Bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Cực tính Transistor: P; - Điện áp đánh thủng cực cổng-cực nguồn: -25V; - Dòng cực máng liên tục: 20mA; - Điện áp cực máng: 25V; - Nhiệt độ làm việc: -55⁰c đến 150⁰c;

		- Tiêu tán nguồn: 450mW.
21	Bán dẫn	- Cực tính Transistor: N; - Điện áp đánh thủng cực cổng-cực nguồn: -25V; - Dòng cực máng liên tục: 20mA; - Nhiệt độ làm việc: -55 ⁰ c đến 150 ⁰ c;
22	Rơ le cao tần	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 6VDC - Số chân: 12
23	Rơ le	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 12VDC; - Số chân: 12
24	Rơ le cao tần	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 12VDC; - Số chân: 10
25	Rơ le cao tần	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 12VDC; - Số chân: 14
26	Rơ le cao tần	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 14VDC; - Số chân: 12
27	Rơ le cao	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 14VDC; - Số chân: 12
28	Rơ le cao tần vỏ bọc kim	- Dải tần làm việc: 150kHz đến 2,0 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 12VDC; - Số chân: 8
29	Rơ le cao tần vỏ bọc kim	- Dải tần làm việc: 150MHz đến 2,5 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 12VDC; - Số chân: 14

30	Rơ le cao tần	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Điện áp nguồn nuôi: 6VDC; - Số chân: 12
31	Rơ le cao tần vỏ bọc kim	- Dải tần làm việc: 1MHz đến 2,5 GHz; - Điện áp nguồn nuôi: 6VDC; - Số chân: 8
32	Rơ le cao tần vỏ bọc kim	- Dải tần làm việc: 100kHz đến 2,0 GHz; - Vỏ bọc: Chống nhiễu; - Điện áp nguồn nuôi: 24VDC; - Số chân: 10
33	Điốt cao tần	- Dải tần làm việc: Đến 2,0 GHz; - Ký hiệu: QW529; - Điện áp chịu đựng: 12 VDC;
34	Điốt tách sóng cao tần	- Dải tần làm việc: Đến 2,5 GHz; - Ký hiệu: BAT63; - Điện áp chịu đựng: 24 VDC;
35	Điốt tách sóng cao tần	- Dải tần làm việc: Đến 2,0 GHz; - Ký hiệu: KB 48; - Điện áp chịu đựng: 24 VDC;
36	Đầu suy hao	- Suy hao: 10 dB; - Dạng cổng vào ra: Đầu N (cái-cái); - Dải tần làm việc: (0 đến 500) MHz.
37	Đầu kết nối	Đầu kết nối FC/PC - Suy hao theo bước sóng: 0 dB.
38	Đầu chuyển đổi	- Đúng chủng loại N-SMA; - Suy hao: 0,01dBm.
39	Đầu cao tần loại	- Đúng chủng loại N; - Suy hao: 0,01dBm.
40	Đồng hồ chỉ thị kim	- Chỉ thị kim khắc vạch; - Ký hiệu: MCW44; - Vỏ bằng kim loại; - Loại khung treo.
41	Đồng hồ số	- Vỏ hộp nhựa; - Hiển thị LED 4 đoạn; - Điện áp nguồn nuôi: 24VDC.

42	Pin	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp danh định: 14,4 VDC; - Dung lượng: 2.200 mAh; - Điện áp nạp khi đầy: (16 đến 17)VDC; - Có chế độ bảo vệ khi ngắn mạch; - Khối lượng: 250 g; - Nhiệt độ hoạt động: - 10⁰C đến + 50⁰C.
43	Cáp đo chuyên dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài tiêu chuẩn: 50 cm; - Suy hao: 0,1 dB; - Đầu cắm: tròn, 8 chân vòng tròn.
44	Cáp cao tần	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài tiêu chuẩn: 50 cm; - Suy hao: 0,1 dB; - Đầu cắm: BNC; - Dải tần làm việc: đến 200MHz.
45	Cáp BNC	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài tiêu chuẩn: 30 cm; - Suy hao: 0,1 dB; - Đầu cắm: BNC; - Dải tần làm việc: đến 500MHz.
46	Cáp đo cao tần	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài tiêu chuẩn: 30 cm; - Suy hao: 0,1 dB; - Đầu cắm: BNC; - Dải tần làm việc: đến 3 GHz.
47	Cáp nối	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu cáp: Chuẩn SNS; - Đường kính cáp $\Phi 4$; - Suy hao tại tần số 2 GHz: $\pm 0,01$dBm; - Trở kháng đặc tính: 50 Ω; - Điện dung: 65 pF/m; - Điện trở cách điện: 5000 MΩ/Km. - Chiều dài: 0,5 mét; - Điện trở tiếp xúc: 5 mΩ; - Điện trở cách ly: 1 000 mΩ
48	Vi mạch biến đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp tín hiệu đầu vào: 15 mV ; - Dải tần làm việc: 100Hz đến 1 MHz; - Dòng tiêu thụ: $\leq 1,2$ A - Điện áp nguồn nuôi: 12 VDC; - Điện áp tín hiệu đầu ra : 0,5 V.
49	Vi mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp tín hiệu đầu vào: 10 mV ; - Dải tần làm việc: 10Hz đến 1 GHz; - Dòng tiêu thụ: $\leq 1,0$ A - Điện áp nguồn nuôi: 15 VDC;

		- Điện áp tín hiệu đầu ra : 1 V.
50	Vi mạch biến đổi	- Điện áp tín hiệu đầu vào: 15 mV ; - Dải tần làm việc: 100Hz đến 1 MHz; - Dòng tiêu thụ: $\leq 1,2$ A - Điện áp nguồn nuôi: 12 VDC; - Điện áp tín hiệu đầu ra : 0,5 V.
51	Vi mạch khuếch đại	- Điện áp tín hiệu đầu ra sau KĐ: 5V. - Điện áp tín hiệu đầu vào: 15 μ V ; - Dải tần làm việc: 100Hz đến 500 MHz; - Dòng tiêu thụ: $\leq 1,5$ A - Điện áp nguồn nuôi: 12VDC;
52	Biến áp nguồn	- Điện áp đầu ra: ± 15 VAC; - Dòng điện: 3A; - Loại biến áp cảm ứng; - Điện áp đầu vào: 220VAC/50Hz.
53	Biến áp chuông	- Điện áp đầu ra: 24VAC; - Dòng điện: 5A; - Tần số 24Hz.
54	Biến áp chặn cao tần	- Chặn tần số cao tần.
55	Cáp quang chôn	* Số sợi trong cáp: 48 sợi/ core/ FO đơn mốt * Kích thước lõi sợi quang: 9/125 μ m * Lực nén: 2000 N/100mm * Loại vỏ: Nhựa HDPE màu đen chịu lực, chống gặm nhấm, ăn mòn và phóng điện
56	Cáp quang chôn	* Số sợi trong cáp: 24 sợi/ core/ FO đơn mốt * Kích thước lõi sợi quang: 9/125 μ m * Lực nén: 2000 N/100mm * Loại vỏ: Nhựa HDPE màu đen chịu lực, chống gặm nhấm, ăn mòn và phóng điện
57	Cáp đồng	* Loại cáp: 50 đôi, 100 lõi sử dụng trong nhà hoặc ngoài trời * Tiết diện: 0,5mm * Vỏ bọc nhựa Polyethylene bảo vệ chống ảnh hưởng tác động của môi trường

58	Cáp đồng	<ul style="list-style-type: none"> * Loại cáp: 20 đôi, 40 lõi sử dụng trong nhà hoặc ngoài trời * Tiết diện: 0,5mm * Vỏ bọc nhựa Polyethylene bảo vệ chống ảnh hưởng tác động của môi trường
59	Cáp đồng	<ul style="list-style-type: none"> * Loại cáp: 10 đôi, 20 lõi sử dụng trong nhà hoặc ngoài trời * Tiết diện: 0,5mm * Vỏ bọc nhựa Polyethylene bảo vệ chống ảnh hưởng tác động của môi trường
60	Phiến krone	<ul style="list-style-type: none"> * Phiên đầu dây Krone, phiên đầu dây loại 10 đôi * Điện trở cách điện 100MΩ * Điện trở tiếp xúc ; 10mΩ * Cường độ điện môi 3 KV, 60Hz AC
61	Hộp ODF	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: Vỏ nhựa * Quy cách: 4 port, đầy đủ phụ kiện
62	Dây đồng điện từ	tráng men EI/AIW 0,12
63	Dây đồng điện từ	từ tráng men EI/AIW 0,13
64	Dây đồng điện từ	tráng men EI/AIW 0,14
65	Dây đồng điện từ	tráng men EI/AIW 0,15
66	Dây rút nhựa	2,5 tác
67	Băng keo cách điện	Băng keo cách điện
68	Tụ hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Loại tụ: tụ hóa - Điện dung: 1000μF - Sai số điện dung: $\pm 1\%$ - Điện áp (Max): 100V - Nhiệt độ làm việc: -50 $^{\circ}$C đến +125 $^{\circ}$C - Kích cỡ: 25x60mm
69	Tụ hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Loại tụ: tụ hóa - Điện dung: 2200μF - Sai số điện dung: $\pm 1\%$ - Điện áp (Max): 100V - Nhiệt độ làm việc: -50 $^{\circ}$C đến +150 $^{\circ}$C - Kích cỡ: 25x60mm
70	Tụ không phân cực	<ul style="list-style-type: none"> - Tụ không phân cực - Điện dung: 10μF - Sai số điện dung: $\pm 1\%$ - Điện áp (Max): 100V - Nhiệt độ làm việc: -

		50 °C đến +150 °C - Kích cỡ: 25x60mm
71	Tủ mạng	- Mã hiệu: 10U - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Thép tấm dày 0.8-2.0mm + Sơn tĩnh điện màu ghi + Cửa: 02 + Quạt thông gió: 01 (30W) + Ổ cắm điện đa năng + Kích thước: (55x55x50)mm
72	Thiết bị chuyển mạch	- Thông số kỹ thuật: + Cổng: 10 Cổng 10Gb Base-T + 2 Cổng 10Gb SFP+Flash 256Mbps + CPU Memory: 512Mbps + Tính năng: Switch Quản lý Layer 2: Spanning Tree Protocol, LACP, VLAN, Q-in-Q, DHCP Relay IGMP... Layer 3 Lite: IPv4, IPv6 Routing, CIDR, PBR, DHCP Server, SSH, SSL, IEEE 802.1X, RADIUS/TACACS+, DoS, ACLs, SNMP, DHCP Server...Stacking 4 unit trong 1 nhóm stack. Chuyển đổi công suất: 240 Gbps Năng lực chuyển tiếp: 178.56 mmp Chuẩn cable: Cable 5e, 6e, 7e. Chuân lắp đặt: Để bàn, treo tường, gắn Tủ mạng Nguồn điện: 100-240V AC Kích thước: 440 x 44 x 350 mm (W x H x D) Cân nặng: 4.03 Kg. Bảo hành: 12 Tháng
73	Camera IP	+ Độ phân giải 1/2.8" Exmor CMOS , 25/30fps@1080P (1920×108) 2.0 Megapixels + Độ nhạy sáng tối thiểu 0.05 Lux/F1.6, B/W: 0.005 Lux/F1.6, Chống ngược sáng WDR (120db), chế độ ngày đêm(ICR), tự động cân bằng trắng (AWB),Tự động bù sáng (AGC), chống ngược sáng (BLC), Chống nhiễu (3D-DNR), tự động điều chỉnh ánh sáng (Auto iris), tự động lấy nét

		<p>+ Ống kính zoom quang học 12X (5.1mm~61.2mm), zoom số 16x, quay quét ngang (PAN) 360° tốc độ 300°/s, quay dọc lên xuống 90° 120°/s, hỗ trợ lật hình 180°, hỗ trợ cài đặt trước 80 điểm với giao thức (DH-SD), 5 khuôn mẫu (Pattern), 8 hành trình (Tour), 5 tự động quét và tự động quay (Auto Scan), (Auto Pan), hỗ trợ chạy lại các cài đặt trước khi có thao tác điều khiển (Idle Motion), tích hợp 1 dây cắm mic với chuẩn âm thanh G.711a / G.711u (32kbps) / PCM (128kbps), bảo động 2 kênh vào 1 kênh ra, hỗ trợ khe cắm thẻ nhớ Micro SD, Max 128GB, chuẩn chống nước IP66, chống va đập IK10, điện áp AC24V 1.5A, công suất 12W</p> <p>+ Môi trường làm việc từ -10°C ~ 60°C, kích thước 170mm × 155mm, trọng lượng 1.8Kg</p> <p>+ Các tính năng thông minh nhận diện khuôn mặt, phát hiện thay đổi hiện trường, phát hiện đồ bỏ quên, thiết lập hàng rào ảo</p>
74	Ôn áp	<p>+ Công suất: 20 KVA</p> <p>+ Điện áp đầu vào: 150V~250V</p> <p>+ Điện áp ra: 110V - 220V±1,5-2%</p> <p>+ Thời gian đáp ứng với 10% điện áp đầu vào thay đổi: 0,4 s±1s</p>
75	Âm ly	<p>- Thông số kỹ thuật:</p> <p>+ Công suất: 120W</p> <p>+ Ngõ vào: MIC 1: 1 mV (-60 dB*), 600 Ω, cân bằng, giắc 6 ly, có thể chọn là RJ45, MIC 2-3: 1 mV (-60 dB*), 600 Ω, cân bằng, giắc 6 ly MIC 4: 1 mV (-60 dB*) 600 Ω, cân bằng, giắc 6 ly, có thể chọn là AUX 1 AUX 1: 100 mV (-20 dB*), 10 kΩ, không cân bằng, giắc kiểu RCA, có thể chọn là MIC 4 AUX 2: 100 mV (-20 dB*), 10 kΩ, không cân bằng, giắc kiểu RCA</p> <p>MP3: Hiện thị LED, hỗ trợ USB, thẻ SD/MMC (lên tới 32GB), Bluetooth, Thu sóng FM, Ghi âm</p> <p>+ Ngõ ra: Kết nối Loa: Ngõ ra loa kiểu vít xoắn</p> <p>Trở kháng loa tương thích: 83 Ω (100 V) hoặc 4 Ω</p>

		Ngõ ra ghi âm: 0 dB*, 600 Ω, không cân bằng, giắc kiểu RCA + Lựa chọn vùng loa: 5 vùng loa (hoặc chọn phát toàn bộ vùng loa) + Nguồn: 100 - 240 V AC, 50/60Hz
76	Micro không dây	- Thông số kỹ thuật: + Dải tần: 576 - 932 MHz, UHF + Kênh lựa chọn: 64 kênh + Tone Tần số: 32,768 kHz + Đáp ứng tần số âm thanh: 100 Hz - 15 kHz + Pin WB-2000 (WB-2000-2 bao gồm 2 miếng) có thể sạc lại pin (tùy chọn) hoặc kiem AA pin khô Khối thu + Nguồn: AC + Đáp tuyến tần số: 100 – 10,000Hz + Tần số thu: 692 – 865MHz, UHF + Ngõ vào trộn: -20dB, 10kΩ, (không cân bằng) + Số kênh lựa chọn: 16 kênh

Ghi chú:

Các nhãn hiệu, catalô, màu sắc, kích thước, chủng loại của một sản phẩm cụ thể để tham khảo (nếu có trong E-HSMT) chỉ mang tính minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể chào hàng hóa “trương đương”, “trương đương” được quy định trong E-HSMT là nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có).

1.3. Các yêu cầu khác

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025 trở về sau. Sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, công nghệ. Hình thức nguyên đai nguyên kiện, đóng gói theo quy định của nhà sản xuất

- Nhà thầu phải cam kết phương án phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn trước, trong và sau khi thi công các hạng mục công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ.

- Có bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, bảng so sánh kỹ thuật giữa yêu cầu của E-HSMT và hàng hóa chào thầu của của Nhà thầu đối với toàn bộ thiết bị chào thầu.

- Cam kết các thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong hồ sơ dự thầu là chính xác và trung thực, nhà thầu đã xác minh tính chính xác và chân thực của thông tin, tài liệu trước khi dự thầu và sẵn sàng cung cấp thông tin, tài liệu chứng minh tính xác thực theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chú ý:

- Nhà thầu cam kết thực hiện tất cả các yêu cầu trên.
- Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, trường hợp cần thiết khi có yêu cầu, nhà thầu cần phối hợp với bên mời thầu cung cấp các tài liệu bản gốc để chứng minh đối chiếu.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Theo quy định hiện hành